

Số: 319/QĐ – THĐK

Khoái Châu, ngày 03 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai các nội dung công khai theo Thông tư
09/2026/TT-BGDĐT ngày 03/6/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT,
Năm học 2025-2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG KẾT

Căn cứ vào Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 Điều lệ trường tiểu học quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BGDĐT ngày 03/6/2026 của Bộ GDĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào Nghị quyết số 29-NQ/CB ngày 03/7/2026 của Chi bộ Trường Tiểu học Đông Kết nhiệm kỳ 2025-2027;

Xét đề nghị của Hội đồng sư phạm nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện công khai các hoạt động của Trường Tiểu học Đông Kết năm học học 2025- 2026 theo nội dung Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT ngày 03/6/2025 của Bộ GDĐT gồm:

- Công khai về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên (Mẫu 1.09)
- Công khai về Cơ sở vật chất (Mẫu 2.09)
- Công khai về kết quả kiểm định chất lượng giáo dục (Mẫu 3.09)
- Công khai về kết quả hoạt động giáo dục (Mẫu 4.09)
- Công khai về kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác (Mẫu 5.09)

Điều 2. Nội dung công khai được niêm yết trong nhà trường và đưa lên cổng thông tin điện tử của nhà trường. (Chi tiết các nội dung công khai trong các phụ biểu kèm theo).

Điều 3. Các ông, bà Tổ trưởng tổ văn phòng, Tổ chuyển đổi số và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Đào

THÔNG BÁO

Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên

Năm học 2025–2026

(Kèm theo Quyết định số 319/QĐ-THĐK, ngày 03/7/2026 của Hiệu trưởng)

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp		
			T.S	ĐH	CD	IV	III	II
Tổng số GV, CBQL và NV		36	1	34	1		31	5
I	Cán bộ quản lý	1	1				1	1
1	Hiệu trưởng	1	1					1
2	P. Hiệu trưởng	1		1			1	
II	Giáo viên	32	0	31	1		28	4
1	GVVH	24	0	23	1		23	1
2	Tiếng Anh	2		2				2
3	Âm nhạc	1		1			1	
4	Mỹ Thuật	2		2			2	
5	Giáo dục Thể chất	2		2			1	1
6	Tin học và Công nghệ	1		1			1	
III	Nhân viên	2		2			2	
1	Nhân viên Kế toán	1		1			1	
2	Nhân viên Thư viện	1		1			1	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đánh giá năm học 2025-2026

Đội ngũ	Số lượng	Xếp loại viên chức				Đánh giá Chuẩn nghề nghiệp				Giáo viên giỏi					
		Xuất sắc		Tốt		Tốt		Khá		Tỉnh		Xã		Trường	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
CBQL	2	2	100	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0
Giáo viên	32	6	19	26	81	15	50	15	50	0	0	6	19	21	66
Nhân viên	2	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	36	8	22	28	78	17	53	15	47	0	0	6	19	21	66

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng năm học 2025-2026

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: $34/34 = 100\%$; trong đó BGH: 02, GV: 32.

Khoái Châu, ngày 03 tháng 7 năm 2026
HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Đào

THÔNG BÁO

Thông tin về cơ sở vật chất, năm học 2025–2026

(Kèm theo Quyết định số 319/QĐ-THĐK, ngày 03/7/2026 của Hiệu trưởng)

1. Diện tích khu đất xây dựng, điểm trường

Diện tích khuôn viên nhà trường: 8.316 m². Trường có một điểm trường, diện tích bình quân 8.316/958 HS đạt 6,8 m²/HS. Như vậy so với yêu cầu tối thiểu còn thiếu 3,2 m²/HS.

2. Các hạng mục công trình

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng theo quy định mức 2	Diện tích Tiêu chuẩn mức độ 2	Số lượng công trình hiện có	Diện tích thực tế (m ²)	So với yêu cầu mức 2
1	Khối phòng hành chính quản trị					
1.1	Phòng Hiệu trưởng	1	Không quy định	1	38	Đảm bảo
1.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	Không quy định	1	38	Đảm bảo
1.3	Văn phòng	1	Không quy định	1	50	Đảm bảo
1.4	Phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể	1	Không quy định	1	38	Đảm bảo
1.5	Phòng bảo vệ	1	Không quy định	1	20	Đảm bảo
1.6	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên nam	2	Không quy định	2	20	Đảm bảo
1.7	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên nữ	2	Không quy định	2	20	Đảm bảo
1.7	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	Không quy định	1	30	Đảm bảo
2	Khối phòng học tập					
2.1	Phòng học	27	1,35m ² /học sinh; 1,50m ² /học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1,85m ² /học sinh	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định

2.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1,85m ² /học sinh	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.4	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	1	1,85m ² /học sinh	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.5	Phòng học bộ môn Tin học	2	1,50m ² /học sinh	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	2	1,50m ² /học sinh	2	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.7	Phòng đa chức năng	2	1,50m ² /học sinh	0		Thiếu diện tích so quy định
3	Khối phòng hỗ trợ học tập					
3.1	Thư viện	1	0,60m ² /học sinh; phòng đọc 2,40m ² /chỗ	1	0,60m ² /học sinh; phòng đọc 2,40m ² /chỗ	Đảm bảo quy định
3.2	Phòng thiết bị giáo dục	1	48m ² /phòng	1		Đảm bảo quy định
3.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	24m ² /phòng	1	38	Đảm bảo quy định
3.4	Phòng Đội Thiếu niên	1	0,03m ² /học sinh	1	38	Đảm bảo quy định
3.5	Phòng truyền thống	1	48m ² /phòng	1	38	Đảm bảo quy định
4	Khối phụ trợ					
4.1	Phòng họp	1	1,20m ² /người	1	38	Đảm bảo quy định
4.2	Phòng Y tế trường học	1	24m ² /phòng	1	38	Đảm bảo quy định
4.3	Nhà kho	1	48m ² /kho	1	38	Chưa đảm bảo quy định
4.4	Khu để xe học sinh	1	0,90m ² /xe đạp	1	250	Đảm bảo quy định
4.5	Khu vệ sinh học sinh nam	2	0,06m ² /học sinh	2	50	Đảm bảo quy định
4.6	Khu vệ sinh học sinh nam	2	0,06m ² /học sinh	2	50	Đảm bảo quy định
4.7	Phòng nghỉ giáo viên	3	12m ² /phòng	0	0	Chưa đảm bảo quy định
4.8	Phòng giáo viên	1	4m ² /giáo	0	0	Chưa đảm bảo

			viên			quy định
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao					
5.1	Sân trường	1	1,50m ² /học sinh	1	2000	
5.2	Sân thể dục thể thao	1	0,35m ² /học sinh	1	1000	
5.3	Nhà đa năng	1	450m ² /nhà sàn tập 12x24m	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6	Khối phục vụ sinh hoạt					
6.1	Nhà bếp	1	0,30m ² /học sinh	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.2	Kho bếp	1	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.3	Nhà ăn	1	0,65m ² /chỗ	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.4	Nhà ở nội trú	1	4m ² /chỗ	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.5	Phòng quản lý học sinh	1	9m ² /phòng	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.6	Phòng sinh hoạt chung	1	0,20m ² /học sinh	0	0	Chưa đảm bảo quy định

3. Số lượng thiết bị dạy học hiện có theo quy định danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học, đối chiếu với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Tên thiết bị	Số quy định	Số lượng hiện có	Thiếu so với yêu cầu	Ghi chú
1	Thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định các lớp				
1.1	Khối lớp 1		141	Chưa đủ	
1.2	Khối lớp 2		195	Chưa đủ	
1.3	Khối lớp 3		106	Chưa đủ	
1.4	Khối lớp 4		63	Chưa đủ	
1.5	Khối lớp 5		153	Chưa đủ	
2	Thiết bị dùng chung				
2.1	Máy tính để bàn cho CBQL, NV	3	3	Đảm bảo	
2.2	Máy tính để bàn cho dạy học	27	0	Thiếu	
2.3	Máy tính xách tay cho CBQL, NV	3	0	Thiếu	
2.4	Máy tính xách tay cho dạy học	3	3	Đảm bảo	

2.5	Máy quét (Scanner)	1	0	Chưa đủ	
2.6	Máy in (Printer)	4	1	Chưa đủ	
2.7	Máy chiếu (Projector)	30	24	Chưa đủ	
2.8	Bảng thông minh	2	2	Đảm bảo	
2.9	Tivi	27	0	Chưa đủ	
2.10	Loa trợ giảng	5	2	Chưa đủ	
2.11	Máy quay phim	1	0	Chưa đủ	
2.12	Phòng máy vi tính cho dạy học	30	10	Chưa đủ	
1.13	Phòng họp trực tuyến	1	0	Chưa đủ	
3	Thư viện				
3.1	Sách nghiệp vụ	1506	1506	Đảm bảo	
3.2	Sách tham khảo	4313	4313	Đảm bảo	
3.3	Sách thiếu nhi	1236	1236	Đảm bảo	
3.4	Tài liệu khác	452	452	Đảm bảo	

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt và danh mục, số lượng xuất bản phần tham khảo tối thiểu đã nhà trường lựa chọn, sử dụng.

4.1. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường

4.1.1. Danh mục sách giáo khoa Lớp 1

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 1	Trần Diên Hiển (Chủ biên), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai, Nguyễn Thuý Vân.	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tĩnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.		
6	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thanh Hiền.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
7	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Trần Thị Hương Ly, Hà Thị Quỳnh Nga, Phạm Văn Thuận, Nguyễn Thị Tuệ Thư.	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Đinh Thị Kim Thoa (Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Vũ Phương Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang.	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 1	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Nguyễn Mạnh Cường.	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.2. Danh mục sách giáo khoa Lớp 2

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tên bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Lê Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phượng, Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 2	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Vũ Thị Mai Hường.	Cánh Diều	Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố HCM
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyển, Phạm Mai Vương.		
6	Âm nhạc 2	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố HCM
7	Mĩ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương - Đinh Gia Lê (đồng Tổng chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Trần Thị Biển, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng chủ biên); Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên); Vũ Thị Lan Anh; Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Anh, Trần Thị Thu.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 2	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên)	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố HCM

4.1.3. Danh mục sách giáo khoa Lớp 3

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thanh Huân, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Thịnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục Thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 3	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố HCM
9	Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh 3	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Hoàng Thùy Hương.	Macmillan Next Move”	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.4. Danh mục sách giáo khoa Lớp 4

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
----	----------	-------------	---------	--------------

1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.		
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 4	Lê Anh Tuấn (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh diều	NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

10	Mĩ thuật 4	Đinh Gia Lê (Tổng chủ biên), Trần Thị Biễn, Đoàn Thị Mỹ Hương(đồng Chủ biên). Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy(Tổng chủ biên) Nguyễn Thụy Anh(Chủ biên) Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Thị Tố Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 4	Hoàng Tăng Đức(Chủ biên), Đặng Ngân Giang, Nguyễn Thị Thu Hoài.	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.5. Danh mục sách giáo khoa Lớp 5

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Tổ chức, cá nhân ¹	Đơn vị liên kết ²
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.			
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Cánh diều	Công ty Vepic	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

		Thanh Phúc, Đào Thị Sen			
5	Lịch sử &Địa lý	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Âm nhạc 5	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Trương Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh diều	Công ty Vepic	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
7	Mĩ thuật 5	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Công nghệ5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
10	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

11	Tiếng Anh 5	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Đỗ Thị Thúy Vân, Nguyễn Thị Xuân.	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	
12	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

4.2. Danh mục, số lượng xuất bản phần tham khảo tối thiểu đã nhà trường lựa chọn, sử dụng

TT	Tên sách tham khảo	Nhà xuất bản	Tác giả
1	Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Hoàng Minh Ngọc
2	Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hào Tâm
3	Tập viết lớp 1, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
4	Tập viết lớp 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
5	Vở bài tập Toán , tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh
6	Vở bài tập Toán 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh
7	Vở Bài tập Mỹ thuật 1	Giáo dục Việt Nam	Đinh Gia Lê (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Biển
8	Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Nguyễn Ngọc Minh, Trần Kim Phụng
9	Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị Hào Tâm
10	Tập viết lớp 2 tập 1	Giáo dục	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung

	Tập viết lớp 2 tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
11	Vở bài tập Toán 2, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
12	Vở bài tập Toán 2, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
13	Vở Bài tập Mĩ thuật 2	Giáo dục Việt Nam	Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên)
14	Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
15	Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
16	Tập viết lớp 3, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Phạm Kim Chung.
17	Tập viết lớp 3, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Phạm Kim Chung.
18	Vở bài tập Toán 3, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
19	Vở bài tập Toán 3, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.
20	Vở Bài tập Mĩ thuật 3	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Xuân Nghị (Chủ biên)
21	Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
22	Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
23	Vở bài tập Toán 4, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
24	Vở bài tập Toán 4, tập 2	Việt Nam	Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
25	Vở Bài tập Mĩ thuật 4	Giáo dục Việt Nam	Đinh Gia Lê (Chủ biên)
26	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
27	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
28	Vở bài tập Toán 5, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
29	Vở bài tập Toán 5, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế

			Hường, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
30	Vở Bài tập Mỹ thuật 5	Giáo dục Việt Nam	Đinh Gia Lê (Chủ biên)

Khoái Châu, ngày 03 tháng 7 năm 2026
HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Đào

THÔNG BÁO

Thông tin về kiểm định chất lượng giáo dục

Năm học 2025–2026

(Kèm theo Quyết định số 319/QĐ-THĐK, ngày 03/7/2026 của Hiệu trưởng)

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá và tự đánh giá chất lượng đạt: Cấp độ 3.

- Có kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường.

- Năm học 2021-2022: Nhà trường đánh giá ngoài theo Quyết định số của Sở GD&ĐT Hưng Yên.

- Kết quả:

+ Kiểm định chất lượng: Đạt cấp độ 3

+ Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2

3. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp

Nhà trường rà soát, nghiên cứu chương trình, SGK tổ chức dạy tích hợp, lồng ghép GDKP, GDQPAN, GDSTEM, GD CDS,...

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp:
Không

- Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận về chất lượng giáo dục: Sở Giáo dục Hưng Yên

- Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Việt.

Đông Kết, ngày 03 tháng 7 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Đào

THÔNG BÁO

Thông tin về kết quả hoạt động giáo dục

Năm học 2025–2026

(Kèm theo Quyết định số 319/QĐ-THĐK, ngày 03/7/2026 của Hiệu trưởng)

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2025-2026

1.1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1.	Kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026	197	197	0	0	0	0
2.	Số học sinh	943	202	169	186	181	205
3.	Số lớp	27	6	5	5	5	6
4.	Sĩ số bình quân	34,9	33,7	33,8	37,2	36,2	34,2
5.	Số học sinh học 2 buổi/ngày	943	202	169	186	181	205
6.	Số học sinh dân tộc	11	2	1	2	4	2
7.	Số học sinh khuyết tật	9	4	1	1	3	0
8.	Số học sinh thuộc diện chính sách	42	10	8	7	6	11
9.	Số học sinh chuyển đi	2	0	0	1	0	1
10.	Số học sinh chuyển đến	6	2	0	2	0	2

1.2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

a) Kết quả các môn học và hoạt động giáo dục

Môn học	Sĩ số	Đánh giá định kỳ cuối năm					
		HTT		HT		Chưa HT	
		SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	943	502	53,2	435	46,2	6	0,6
Toán	943	520	55,1	417	44,3	6	0,6
Đạo đức	943	582	61,7	361	38,8	0	0
Tự nhiên xã hội	557	312	56,0	245	44,0	0	0
Khoa học	386	241	62,4	145	38,6	0	0
Sử + Địa lý	386	234	60,6	152	39,4	0	0
Âm nhạc	943	566	60,0	377	40,0	0	0
Mĩ Thuật	943	702	74,4	241	25,6	0	0
Hoạt động trải nghiệm	943	562	59,5	381	40,5	0	0
Giáo dục thể chất	943	611	64,7	332	35,3	0	0
Công nghệ	572	370	64,6	201	35,2	1	0,2
Tin học	572	325	56,8	247	43,2	0	0
Tiếng Anh	943	570	60,4	368	39,1	5	0,5

b) Kết quả về năng lực chung

Năng lực	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Tự chủ và tự học	943	570	60,4	368	39,1	5	0,5
Giao tiếp và hợp tác	943	558	59,1	383	40,7	2	0,2
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	943	508	58,7	431	40,9	4	0,4

c) Kết quả về năng lực đặc thù

Năng lực	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Ngôn ngữ	943	533	56,5	404	42,9	6	0,6
Tính toán	943	541	57,3	396	42,1	6	0,6
Tin học	572	319	55,7	252	44,1	1	0,2
Công nghệ	572	366	63,9	205	35,9	1	0,2
Khoa học	943	556	58,9	386	41,0	1	0,1
Thẩm mĩ	943	648	68,7	294	31,2	1	0,1

Thẻ chất	943	590	62,5	352	37,7	1	0,1
----------	-----	-----	------	-----	------	---	-----

d) Kết quả về phẩm chất

Phẩm chất	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	943	826	87,6	117	12,4	0	0
Nhân ái	943	796	84,4	147	15,5	0	0
Chăm chỉ	943	595	63,0	347	36,9	1	0,1
Trung thực	943	674	71,4	268	28,5	1	0,1
Trách nhiệm	943	599	63,5	343	36,4	1	0,1

đ) Kết quả giáo dục

Khối	Tổng số HS	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	202	69	34	40	20	88	43,5	5	2,5
2	169	52	31	29	17	88	52	0	0
3	186	60	32	33	18	92	49,5	1	0,5
4	181	54	30	36	20	91	50	0	0
5	205	48	23	51	25	107	52	0	0
Tổng	943	282	30	189	20	466	49,4	6	0,6

e) Số học sinh được lên lớp, không được lên lớp

Khối	Tổng số HS	Hoàn thành chương trình		Chưa HTCT		Lên lớp		Ở lại	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	202	197	97,5	5	2,5	197	97,5	5	2,5
2	169	169	100	0	0	169	100	0	0
3	186	185	99,5	1	0,5	185	99,5	1	0,5
4	181	181	100	0	0	181	100	0	0
5	205	205	100	0	0	205	100	0	0
Tổng	943	937	99,4	6	0,6	937	99,4	6	0,6

g) Số học sinh được khen thưởng

Khối	Tổng	Học sinh xuất	Học sinh	Khen cấp trên	Thư khen
------	------	---------------	----------	---------------	----------

	số HS	sắc		Tiêu biểu					
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	202	69	34	40	20	52	26	92	46
2	169	52	31	29	17	21	12	88	52
3	186	60	32	33	18	28	15	90	48
4	181	54	30	36	20	30	17	91	50
5	205	48	23	51	25	29	14	31	15
Tổng	943	282	30	189	20	160	17	392	42

1.3. Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học; số học sinh trúng tuyển vào Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật

- Tổng số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 205/205 học sinh, đạt tỷ lệ 100%

- Số học sinh tham dự bài kiểm tra năng lực và được tuyển vào Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật: 11 học sinh.

2. Chương trình giáo dục hợp tác giảng dạy trong giáo dục chính khoá năm học 2025-2026: Không

Khoái Châu, ngày 03 tháng 7 năm 2026
HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Đào

THÔNG BÁO

Thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

Năm học 2025–2026

(Kèm theo Quyết định số 319/QĐ-THĐK, ngày 03/7/2026 của Hiệu trưởng)

1. Kết quả cán bộ, giáo viên, nhân viên

STT	Nội dung	Kết quả đạt được Năm học 2025-2026
1	Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên	36
2	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	1
3	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	02
4	Danh hiệu CSTĐ cơ sở	04
4	Giấy khen của Giám đốc SGD	02
5	Giấy khen của Chủ tịch UBND xã	01
6	Danh hiệu LĐT	36/36, đạt tỷ lệ 100%
7	Giáo viên giỏi cấp trường	21/32, đạt tỷ lệ 66%
8	Giáo viên giỏi cấp xã	6/32, đạt tỷ lệ 19%
9	Sáng kiến cấp trường	21/36, đạt tỷ lệ 58%
10	Sáng kiến cấp xã	09/36, đạt tỷ lệ 25%

2. Kết quả học sinh tham gia các cuộc thi năm học 2025-2026

2.1. Cấp xã: Giải thi đấu thể thao cấp xã môn điền kinh có 01 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc và 01 Huy chương Đồng. Cuộc thi “Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường và phòng ngừa lao động trẻ em trái pháp luật”. Kết quả: 01 giải Nhất, 02 giải Nhì và 03 giải Ba. Tổ chức “Triển lãm tranh vẽ theo chủ đề về sách năm 2026” cấp xã có 05 bài tham dự.

2.2. Cấp tỉnh, cấp quốc gia:

- Kết quả các cuộc thi trên mạng (Trạng nguyên TV, Đấu trường VioEdu, Violympic, tiếng Anh IOE). Kết quả có 404 giải. Trong đó:

+ Giải cấp quốc gia: 46 giải (01 Huy chương vàng, 02 Huy chương Bạc, 07 Huy chương Đồng, 36 giải khuyến khích).

+ Giải cấp tỉnh: 358 (51 Huy chương vàng, 104 Huy chương Bạc, 115 Huy chương Đồng, 88 giải khuyến khích).

- Các cuộc thi khác: Có 01 em đạt giải Khuyến khích cấp tỉnh “Vẽ tranh theo sách; 01 em đạt giải; có 01 em đạt giải Ba cấp tỉnh **“Gia đình đọc sách - Gắn kết yêu thương”**; có 01 nhóm HS đạt Giải Ba cấp Tỉnh cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng; Có 02 học sinh đạt giải Khuyến khích cấp Quốc gia An toàn giao thông.

3. Các hoạt động giáo dục khác

- Tổ chức thành công “Trung thu chia sẻ yêu thương”.
- 100% các lớp tích trang trí lớp học sáng tạo, phù hợp, thuyết trình tốt.
- 100% các lớp tích cực tham gia các tiết mục văn nghệ chào mừng ngày 20/11.
- 100% các lớp tham gia mùa hát tập thể chào mừng 22/12.
- Thi đồng diễn nghệ thuật truyền thống bài “Tự hào đất mẹ Khoái Châu”. Kết quả:
 - + Giải nhất: 1C, 2E, 3A, 4B, 5C, 5G;
 - + Giải nhì: 1E, 2A, 3C, 4A, 5B, 5D, 5E;
 - + Giải ba: 1B, 1A, 1D, 1G, 2D, 2B, 2C, 3B, 3D, 3E, 4C, 4D, 4E.
- HS tích cực tham gia các cuộc thi Cuộc thi “Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường và phòng ngừa lao động trẻ em trái pháp luật”. Kết quả có 650 tranh vẽ chủ đề “phòng chống bạo lực học đường” và chọn được 34 bài xuất sắc nộp về Phòng văn hóa xã Khoái Châu.
- Tổ chức cuộc thi đọc hay, viết đẹp cấp trường đối với HS đạt: 30 giải Nhất; 42 giải Nhì; 53 giải Ba.
- Chỉ đạo tổ chức thành công Hưởng ứng Ngày sách và Văn hoá đọc Việt Nam lần thứ 2 với chủ đề “Sách và công nghệ - Mở rộng tri thức, kết nối tương lai” cấp trường. Kết quả:
 - + Thi video giới thiệu về sách:
 - Giải Nhất: 1A, 2E, 3A, 4A, 5C;
 - Giải Nhì: 1C, 2C, 3B, 4B, 5D;
 - Giải Ba: 1E, 2A, 3D, 4D, 5G;
 - Giải KK: 1B, 1D, 1G, 2B, 2D, 3C, 3E, 4C, 4E, 5A, 5B, 5E.
 - + Kể chuyện, đóng tiểu phẩm theo sách: Khối 4, 5 ấn tượng, có tính giáo dục cao.
- Tổ chức cho học sinh khối 3, 4 tham gia hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường tìm hiểu di tích lịch sử cấp quốc gia đền Hậu, thôn Đông Kết.
- Tổ chức “Hội chợ chào Xuân 2026” thành công. Sau hội chợ đã vận động được các lớp, cá nhân ủng hộ “Quỹ nhân ái” với số tiền **34.248.000 đồng** để tặng cho HS có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó làm tốt phong trào trong năm học như: ủng hộ nhân dân Cu Ba, ủng hộ đồng bào cơ bão số 10, ủng hộ quỹ người nghèo, ủng hộ chị Ôn, cháu Diệu Nhi có hoàn cảnh khó khăn với tổng tiền **35.926.000 đồng**.

Khoái Châu, ngày 03 tháng 7 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Đào